

Bản án số: 58/2023/KDTM-ST
Ngày: 30/6/2023.
V/v tranh chấp hợp
đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Kim Điền;
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 108/2022/TLST-KDTM ngày 12/10/2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST-KDTM ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại S. Địa chỉ: Lô 6, đường E, khu công nghiệp T, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Bá T – Chức danh Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân N, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Lô 9A Đường C, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 01/2022/SMC/GUQ). Có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng K. Địa chỉ: 45 lô L, đường số 2, khu dân cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1964. Địa chỉ: 18 Lô J, đường số 8 – KDC Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 06/8/2022; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày và yêu cầu khởi kiện:

Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S và Công ty TNHH Xây dựng K đã ký với nhau các hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm). Theo đó, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty TNHH Xây dựng K tại các công trình, dự án từ tháng 03/2015 đến tháng 8/2020 với tổng giá trị là 82.381.244.500 đồng (Tám mươi hai tỷ ba trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng), Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S tổng số tiền là 78.115.903.000 đồng (Bảy mươi tám tỷ một trăm mười lăm triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng), Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền 4.265.341.500 đồng (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng). Khoản nợ này là của các hợp đồng:

Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán beton cement tươi) số 041810/SMC/HĐBT-17 ngày 18 tháng 10 năm 2017, công trình: *Aeon Mall Tân Phú Celadon Extension – đường Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh*, có điều khoản thanh toán là: *Hạn mức dư nợ 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Căn cứ theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Bên A (Công ty K) tại công trình), cứ 30 ngày Bên B (Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S) tổng hợp khối lượng và gửi cho Bên A, Bên A sẽ xác nhận trong vòng 02 ngày, nếu không xác nhận xem như khối lượng đúng và đủ. Bên B xuất hoá đơn cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị beton cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn.* Tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K cho công trình này là 17.553.950.000 đồng (Muoi bảy tỷ năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041107/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 11 tháng 07 năm 2019, công trình: *Văn phòng làm việc – 457 – 459A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh*, có điều khoản thanh toán là: *Hạn mức dư nợ 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Căn cứ theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Bên A (Công ty K) tại công trình), vào ngày 15 và ngày cuối tháng Bên B (Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S) tổng hợp khối lượng và gửi cho Bên A, Bên A sẽ xác nhận trong vòng 02 ngày, nếu không xác nhận xem như khối lượng đúng và đủ. Bên B xuất hoá đơn cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị beton cho Bên B trong vòng 45 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn.* Tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K cho công trình này là 2.312.380.000 đồng (Hai tỷ ba trăm mười hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 040608/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 06 tháng 08 năm 2019, công trình: *Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn – 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*, có điều khoản thanh toán là: *Hạn mức dư nợ 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng). Căn cứ theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Bên A (Công ty K) tại công trình), vào ngày 15 và ngày cuối tháng Bên B (Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S) tổng hợp khối lượng và gửi cho Bên A, Bên A sẽ xác nhận trong vòng 02 ngày, nếu không xác nhận xem như khối lượng đúng và đủ. Bên B xuất hoá đơn cho Bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị beton cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn. Tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K cho công trình này là 2.982.201.500 đồng (Hai tỷ chín trăm tám mươi hai triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng).*

Trong đó, ngày hai bên tổng hợp khối lượng bê tông sau cùng là 30/06/2020. Ngày Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S xuất hoá đơn sau cùng cho Công ty TNHH Xây dựng K là 12/08/2020. Như vậy, thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 27/09/2020.

Trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K là 76.706.163.000 đồng, Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 72.919.328.000 đồng, Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 3.786.835.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây dựng K chỉ xác nhận nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 3.742.514.000 đồng.

Trong các năm 2019 và 2020, tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K là 5.675.081.500 đồng, trong đó:

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041810/SMC/HĐBT-17 ngày 18 tháng 10 năm 2017 (Công trình Aeon Mall) giá trị bê tông cung cấp là 380.500.000 đồng, theo các hoá đơn giá trị gia tăng số 0008175 và 0008176 ngày 16/04/2019;

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041107/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 11 tháng 07 năm 2019 (Công trình ở Quận 3) giá trị bê tông cung cấp là 2.312.380.000 đồng theo: 1. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023899 ngày 12/08/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/06/2020; 2. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0022550 ngày 30/06/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/05/2020; 3. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0022517 ngày 29/06/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/04/2020; 4. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020214 ngày 01/04/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 01/04/2020; 5. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020132 ngày 31/03/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 24/02/2020; 6. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0018239 ngày 31/12/2019 và Biên bản

tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/12/2019; 7. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0016077 ngày 23/11/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/10/2019; 8. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0014290 ngày 04/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/08/2019;

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 040608/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 06 tháng 08 năm 2019 (Công trình ở Quận 8) giá trị bê tông cung cấp là 2.982.201.500 đồng theo: 1. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023055 ngày 17/07/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/05/2020; 2. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023052 ngày 17/07/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 29/04/2020; 3. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020739 ngày 22/04/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 06/04/2020; 4. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0016453 ngày 30/11/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 15/11/2019; 5. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0015413 ngày 31/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/10/2019; 6. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0014946 ngày 21/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 29/09/2019; 7. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0013536 ngày 19/09/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 15/09/2019; 8. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0013535 ngày 19/09/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/08/2019.

Cũng trong năm 2019 và 2020, Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S tổng cộng 5.196.575.000 đồng hết nợ năm trước và hợp đồng công trình Aeon Mall. Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 4.265.341.500 đồng là giá trị bê tông cung cấp theo hợp đồng công trình Quận 3 và Quận 8.

Do đó, Công ty TNHH Xây dựng K đã chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S khoản nợ 4.265.341.500 đồng (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng) kể từ ngày 28/09/2020. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã nhiều lần đề nghị Công ty TNHH Xây dựng K thanh toán khoản nợ quá hạn nhưng chưa được thanh toán. Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S có quyền yêu cầu Công ty K, ngoài việc phải thanh toán ngay khoản nợ quá hạn còn phải trả lãi do chậm trả trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Nay, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng K để yêu cầu:

1. Công ty TNHH Xây dựng K phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền còn nợ là 4.265.341.500 đồng (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng);

2. Công ty TNHH Xây dựng K phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền lãi do chậm trả với lãi suất 13,5%/năm, 0,0369%/ngày trên

số tiền chậm trả, tính từ ngày 28/09/2020 đến ngày trả hết nợ, tạm tính đến ngày 06/08/2022 là 1.065.537.756 đồng.

Lãi suất tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH Xây dựng K thanh toán nợ dứt điểm cho Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn theo quy định của pháp luật theo mức lãi suất 13%/năm.

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ tuy nhiên đối với yêu cầu lãi suất của nguyên đơn yêu cầu từ ngày 28/09/2020 là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng K trả số tiền còn nợ chưa thanh toán và lãi phát sinh do việc chậm thanh toán theo **Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041810/SMC/HDBT - 17 ngày 18 tháng 10 năm 2017; Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041107/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 11 tháng 07 năm 2019 và Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 040608/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 06 tháng 08 năm 2019** mà các bên đã ký kết, nên đây là tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0304329798, đăng ký lần đầu ngày 21/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 09/6/2021 thì bị đơn có địa chỉ trụ sở tại: Số 45 lô L, đường số 2, khu dân cư Phú Mỹ, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Tp. HCM theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hình thức:

Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét yêu cầu của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền còn thiếu theo **Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041107/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 11 tháng 07 năm 2019; và Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số**

040608/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 06 tháng 08 năm 2019 đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là 4.265.341.500 đồng.

Hợp đồng được ký kết giữa các bên đảm bảo về mặt hình thức, các bên thỏa thuận với nhau về các nội dung cơ bản của hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 24 Luật Thương mại 2005, hợp đồng được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện như sau:

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041810/SMC/HĐBT-17 ngày 18 tháng 10 năm 2017 giá trị bê tông cung cấp là 17.553.950.000 đồng.

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 041107/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 11 tháng 07 năm 2019 (Công trình ở Quận 3) giá trị bê tông cung cấp là 2.312.380.000 đồng theo: 1. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023899 ngày 12/08/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/06/2020; 2. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0022550 ngày 30/06/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/05/2020; 3. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0022517 ngày 29/06/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/04/2020; 4. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020214 ngày 01/04/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 01/04/2020; 5. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020132 ngày 31/03/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 24/02/2020; 6. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0018239 ngày 31/12/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/12/2019; 7. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0016077 ngày 23/11/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/10/2019; 8. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0014290 ngày 04/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/08/2019;

- Hợp đồng kinh tế (V/v: Mua bán bê tông thương phẩm) số 040608/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 06 tháng 08 năm 2019 (Công trình ở Quận 8) giá trị bê tông cung cấp là 2.982.201.500 đồng theo: 1. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023055 ngày 17/07/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 30/05/2020; 2. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0023052 ngày 17/07/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 29/04/2020; 3. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0020739 ngày 22/04/2020 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 06/04/2020; 4. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0016453 ngày 30/11/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 15/11/2019; 5. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0015413 ngày 31/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/10/2019; 6. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0014946 ngày 21/10/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 29/09/2019; 7. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0013536 ngày 19/09/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 15/09/2019; 8. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0013535 ngày 19/09/2019 và Biên bản tổng hợp khối lượng bê tông ngày 31/08/2019.

Trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 tổng giá trị bê tông Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã cung cấp cho Công ty TNHH Xây dựng K là

76.706.163.000 đồng, Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 72.919.328.000 đồng, Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 3.786.835.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH Xây dựng K chỉ xác nhận nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 3.742.514.000 đồng.

Năm 2019 và 2020, Công ty TNHH Xây dựng K đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S tổng cộng 5.196.575.000 đồng hết nợ năm trước và hợp đồng công trình Aeon Mall. Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S 4.265.341.500 đồng là giá trị bê tông cung cấp theo hợp đồng công trình Quận 3 và Quận 8.

Căn cứ theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng về điều khoản thanh toán: “*Căn cứ theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện bên A tại công trình), vào ngày 15 và ngày cuối cùng của tháng bên B tổng hợp khối lượng và gửi cho bên A, Bên A sẽ xác nhận trong vòng 02 (hai) ngày, nếu không xác nhận xem như khối lượng đúng và đủ. Bên B xuất hóa đơn cho bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị beton cho bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn*”.

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005 quy định:

Điều 50. Thanh toán

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã bán hàng hóa cho bị đơn, tính đến ngày 30/6/2023, Công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền là 4.265.341.500 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn theo quy định. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 4.265.341.500 đồng có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán:

Bị đơn chậm thanh toán tiền mua hàng hóa cho nguyên đơn như nhận định tại phần nhận định [3.1] nêu trên, Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH Xây dựng K theo quy định.

Căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*

Căn cứ theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Căn cứ theo quy định tại Điều 3 hợp đồng: *“Nếu bên A thanh toán chậm so với quy định trên, bên A sẽ thanh toán thêm cho bên B khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của ngân hàng (ngân hàng theo tài khoản của bên B) trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 07 (bảy) ngày. nếu bên A không thực hiện đúng những điều khoản trên bên B được quyền ngưng cung cấp beton. Bên A có trách nhiệm thanh toán đủ nợ gốc và lãi cho bên B đối với số nợ tồn đọng”*

Theo thông báo lãi suất ngày 28/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Quận 7 Sài Gòn) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 10%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 15%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo công văn số 411/CV-NSG.QLN ngày 07/02/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (chi nhánh Nam Sài Gòn) thì lãi suất cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 13%/năm; như vậy lãi suất quá hạn là 19.5%/năm (150% của lãi trong hạn); Theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Phú Mỹ Hưng) thì lãi suất cho vay trung hạn đối với khách hàng doanh nghiệp là 10%/năm; như vậy lãi suất quá hạn lần lượt là 15%/năm (150% của lãi trong hạn). Như vậy, lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là: $(15\% + 19.5\% + 15\%):3 = 16.5\%/năm$ (1.375%/tháng, 0.11%/ngày).

Theo nội dung công văn ngày 25/12/2020 nguyên đơn gửi cho bị đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 4.265.341.500 đồng trước ngày 31/12/2020. Nếu đến thời hạn 31/12/2020 bị đơn chưa thanh toán cho

nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ tính lãi phạt chậm trả. Do đó, lãi suất chậm trả được tính từ ngày 01/01/2021 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 13,5%/năm là có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Lãi suất được tính như sau:

4.265.341.500 đồng x 13,5%/năm x 28 tháng + 29 ngày = 1.389.968.160 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất từ ngày 28/9/2020 số tiền là 148.753.782 đồng.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với phân tích, nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, 229, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 24 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng K.

2. Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S: Buộc Công ty TNHH Xây dựng K có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền nợ 4.265.341.500 (Bốn tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi một ngàn

năm trăm) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 30/6/2023 là 1.343.582.572 (Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi hai) đồng; tổng cộng là: 5.655.309.660 (Năm tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu ba trăm lẻ chín ngàn sáu trăm sáu mươi) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S tính từ ngày 28/9/2020 đến ngày 31/12/2020 số tiền lãi suất 148.753.782 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xây dựng K phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.655.310 (Một trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm mười) đồng.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 7.437.689 (Bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi chín) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.665.440 (Năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014859 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S số tiền 49.227.751 (Bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi một) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo lãi suất 13,5%/năm**.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn - Công ty TNHH Xây dựng K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Thanh).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương